

CÔNG TY CP DAMSAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/No: 0108/2019/ADS

Thái Bình, ngày 01 tháng 08 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Damsan
 - Mã chứng khoán: ADS
 - Địa chỉ trụ sở chính: Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình
 - Điện thoại: 02273.643.826
 - Fax: 02273.642312
 - Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thị Quỳnh Hoa
Chức vụ: Nhân viên phòng Tổ chức nhân sự
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Hợp đồng kiểm toán số 273HĐKT/AVA/NV8 của Công ty Cổ phần Damsan với Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam(AVA) căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 01082019/NQ – HĐQT ngày 01 tháng 08 năm 2019.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDC

- Lưu VP

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Huy Đông

Thái Bình, ngày 01 tháng 08 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Damsan;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Damsan;

- Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Damsan ngày 01/08/2019

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: HĐQT thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam(AVA) là đơn vị kiểm toán soát xét BCTC 06 tháng đầu năm 2019 và kiểm toán BCTC năm 2019 Công ty cổ phần Damsan.

Điều 02: Điều khoản thi hành

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dam San nhất trí giao cho Ông Vũ Huy Đông và ban lãnh đạo Công ty ký kết hợp đồng dịch vụ soát xét BCTC 06 tháng đầu năm 2019 và kiểm toán BCTC năm 2019 Công ty cổ phần Damsan.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2019./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, Ban TGD Cty;

- Lưu TCHC, TCKT, HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----- ***-----

Số: 273/HĐKT/AVA/NV8

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2019

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2019 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Damsan

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập.
- Thực hiện Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

Bên A:

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
Địa chỉ	Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.
Mã số thuế	1000389853
Đại diện	Ông Vũ Huy Đông
Chức vụ	Tổng Giám đốc

Bên B:

Tên Công ty	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)
Địa chỉ	Tầng 14 tòa nhà Sudico đường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Số điện thoại	(04) 38.689.566/88
Số fax	(04) 38.686.248
Tài khoản số	26086889
Tại	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hà Nội
Mã số thuế	0102051074
Đại diện	Ông Nguyễn Bảo Trung
Chức vụ	Phó Tổng Giám đốc (Giấy uỷ quyền số 06 UQ/TVKT ngày 01/01/2019)

Sau khi trao đổi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung dịch vụ

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ:

Soát xét Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2019 và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bên A, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Bên A.

Điều 2: Trách nhiệm và quyền hạn của các bên

1. Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính, trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
 - Ban Tổng Giám đốc (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
 - Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.
 - Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2. Trách nhiệm của Bên B:

- a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế

02051
CÔNG
TN
KIỂM
THẨM
VIỆT
TỬ LIỆ

00031
CÔNG
CỔ P
DAM

BÌNH

toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

- b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.
- c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- d) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.
- e) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- f) Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

Điều 3: Báo cáo kiểm toán

1. Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:
 - a) 06 bộ Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ về Báo cáo tài chính riêng, 06 bộ Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ về Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2019 của Bên A.
 - b) 06 bộ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng, 06 bộ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bên A.

Đồng thời Bên B được in thêm mỗi loại báo cáo trên đây 02 bộ để lưu tại Bên B.

2. Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.
3. Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Điều 4: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

1. Phí dịch vụ kiểm toán là: 130.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu đồng chẵn*), chưa bao gồm thuế GTGT.
2. Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B 50% giá trị hợp đồng khi nhận được Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2019 của Bên A; số còn lại sẽ được thanh toán cho Bên B khi nhận được Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bên A.

Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền chuyển khoản qua ngân hàng.

Điều 5: Cam kết thực hiện và thời gian hoàn thành

1. Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.
2. Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán dự kiến là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện cuộc kiểm toán, với điều kiện Bên A đã lập xong các Báo cáo tài chính. Thời gian cụ thể do hai bên trao đổi, thống nhất.
3. Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

Điều 6: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn hợp đồng

1. Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.
2. Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.



VŨ HUY ĐÔNG

ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BẢO TRUNG

